

Số: 293 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 15 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPVP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 553/TTr-SNN ngày 13 tháng 3 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, căn cứ các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, xác lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TTTT, LĐ TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC(A).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trịnh Trường Huy**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CAO BẰNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG<sup>1</sup> (05 TTHC)**

TT	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)</b>						
1	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế  <b>(1.007917)</b>	- Trong thời hạn <b>30 ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa); - Trong thời hạn <b>45 ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng (tòa nhà Bưu điện, đường Hoàng Đình Giông, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;  - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh	- Sửa đổi: Thời hạn giải quyết TTHC từ ngày làm việc sang ngày; - Bổ sung: căn cứ pháp lý TTHC.

<sup>1</sup> Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>vực lâm nghiệp.</i>	
2	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế <sup>2</sup>  <b>(1.007916)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: <b>22 ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;</li> <li>- Trường hợp UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng thay thế: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: <b>57 ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>+ Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng</li> </ul> </li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- <i>Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi: Tên TTHC, thời hạn giải quyết; Trình tự thực hiện TTHC.</li> <li>- Bổ sung: Căn cứ pháp lý TTHC.</li> </ul>

<sup>2</sup> Tên TTHC trước khi được sửa đổi: Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế

TT	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>thay thế: <b>37 ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.            + Trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế: <b>42 ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>					
3	<p>Xác nhận bảng kê lâm sản  (1.000045)</p>	<p>- <b>02 ngày làm việc:</b> trường hợp không phải xác minh;            - <b>04 ngày làm việc:</b> trường hợp phải xác minh;            - <b>08 ngày làm việc:</b> trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Ủy ban nhân dân cấp huyện</p>	<p>- Trực tiếp;            - Qua dịch vụ bưu chính công ích;            - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;            - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;            - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;            - Nghị định số</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý TTHC.</p>

TT	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.	
4	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền	<b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNN PTNT ngày 15/12/2023 của	- Sửa đổi: thời hạn giải quyết TTHC từ ngày làm việc sang ngày; - Bổ sung: căn cứ pháp lý TTHC.

TT	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phê duyệt nguồn vốn trồng rừng  (1.011470)					<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</i>	
<b>II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 TTHC)</b>							
1	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện  (1.011471)	<b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ, TTHC của UBND cấp huyện	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNN PTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Sửa đổi: thời hạn giải quyết TTHC từ ngày làm việc sang ngày; - Bổ sung: căn cứ pháp lý TTHC.

**Tổng số danh mục TTHC công bố**

**05 TTHC**

**Trong đó:**

- Cấp tỉnh

**04 TTHC**

- Cấp huyện

**01 TTHC**

**Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần**

**05 TTHC**

**Phụ lục II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI,**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CAO BẰNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 293 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 QUY TRÌNH)**

**Quy trình số 01**

<b>QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> <b>Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế (1.007917)</b>			
<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc cụ thể</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn để xem xét giải quyết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	0,5 ngày
Bước 2	Xem xét, Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5 ngày
Bước 3	Thẩm định và phê duyệt phương án: Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ Phương án trồng rừng thay thế	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19 ngày
	Trường hợp cần kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định, tổ chức thẩm định và hoàn thành thẩm định		34 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn phê duyệt hồ sơ trình lãnh đạo Sở xem xét	Lãnh đạo phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5 ngày
	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Lãnh đạo Sở phê duyệt Tờ trình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế; kèm theo dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5 ngày



	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Lãnh đạo Sở phê duyệt thông báo bằng văn bản cho chủ dự án và nêu rõ lý do		
Bước 5	- Đóng dấu (số hóa và lưu hồ sơ) + Chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (trường hợp hồ sơ đủ điều kiện) + Chuyển hồ sơ về TTPVHCC tỉnh để trả cho chủ dự án (trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện)	Văn thư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5 ngày
Bước 6	- Thẩm tra hồ sơ - Trình lãnh đạo Văn phòng, Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC	Chuyên viên phòng Kinh tế - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	8 ngày
Bước 7	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	Ngay sau khi nhận được kết quả
<b>Tổng thời gian giải quyết</b> (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá phương án trồng rừng tại thực địa)			<b>30 ngày</b>
<b>Tổng thời gian giải quyết</b> (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá phương án trồng rừng tại thực địa)			<b>45 ngày</b>
<p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi Phương án trồng rừng thay thế, dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế được phê duyệt, chủ dự án nộp đủ số tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế cho chủ dự án;</p> <p>- Chủ dự án thực hiện trồng rừng theo Phương án trồng rừng thay thế, thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế được phê duyệt; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức nghiệm thu hoàn thành trồng rừng thay thế do chủ dự án thực hiện.</p> <p>- Trường hợp chủ dự án không thực hiện trồng rừng thay thế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức thực hiện trồng rừng thay thế tại địa điểm khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn bằng nguồn tiền do chủ dự án đã nộp vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.</p>			

<b>QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> <b>Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (1.007916)</b> <i>(Trường hợp UBND tỉnh bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn)</i> <i>Thời hạn giải quyết 22 ngày</i>			
Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn để xem xét giải quyết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	02 giờ
Bước 2	Xem xét, Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ: Dự thảo chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trình lãnh đạo Sở báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết	Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	03 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
	Lãnh đạo Sở phê duyệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
Bước 5	- Đóng dấu (số hóa và lưu hồ sơ) - Chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
Bước 6	Thẩm tra hồ sơ; Trình Lãnh đạo Văn phòng, Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Văn phòng UBND tỉnh	2,5 ngày
Bước 7	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ

Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại TTPVHCC	Ngay sau khi có kết quả
<b>Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trên môi trường điện tử</b>			<b>07 ngày</b>
Bước không thực hiện trên quy trình điện tử	Kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận, chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế	Chủ dự án	10 ngày
	Sau khi nhận được tiền từ chủ dự án nộp, Quỹ Bảo vệ rừng và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng	05 ngày
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>22 ngày</b>

<b>QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> <b>Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (1.007916)</b> <b>(Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn)</b> <i>“Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền”</i> <i>Thời hạn giải quyết 57 ngày</i>			
Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn để xem xét giải quyết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	0,5 ngày
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ; - Dự thảo đề nghị trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, gửi hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế tại địa phương khác. - Dự thảo thông báo cho chủ dự án biết về việc hồ sơ đã được chuyển đến cấp có thẩm quyền phê duyệt và sẽ thông báo bằng văn bản về thời gian, số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế khi nhận được văn bản từ Bộ Nông nghiệp và PTNT cho chủ dự án biết để thực hiện.	Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn phê duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5 ngày

	Lãnh đạo Sở phê duyệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét gửi hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng dấu (số hóa và lưu hồ sơ)</li> <li>- Chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.</li> <li>- Chuyển thông báo về Trung tâm PVHCC gửi tổ chức, cá nhân</li> </ul>	Văn thư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
<b>Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trên môi trường điện tử</b>			<b>07 ngày</b>
Bước không thực hiện trên quy trình điện tử	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	05 ngày
	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế	12 ngày
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế;	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	03 ngày
	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền có văn bản gửi chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế	05 ngày
	Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ.	Chủ Dự án	10 ngày
	Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt nam để thực hiện trồng rừng tại địa phương khác và thông báo kết quả hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế cho chủ dự án	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	05 ngày

	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế theo quy định	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam	10 ngày
--	---	--	---------

<b>QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> <b>Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (1.007916)</b> <b>(Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn)</b> <i>“Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền”</i> <b>Thời hạn giải quyết 37 ngày; 42 ngày</b>			
Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn để xem xét giải quyết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	02 giờ
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ: Dự thảo chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trình lãnh đạo Sở báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết. Dự thảo văn bản trình lãnh đạo Sở báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo về đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.	Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	03 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
	Lãnh đạo Sở phê duyệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
Bước 5	- Đóng dấu (số hóa và lưu hồ sơ). - Chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ

Bước 6	- Thẩm tra hồ sơ; Trình Lãnh đạo Văn phòng, Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển văn bản đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, - Chuyển gửi kết quả chấp thuận nộp tiền đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để Sở Nông nghiệp trả kết quả cho chủ dự án.	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Văn phòng UBND tỉnh	2,5 ngày
Bước 7	Lưu và chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC để trả kết giải quyết cho chủ dự án.	Văn thư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại TTPVHCC	Ngay sau khi có kết quả
<b>Tổng thời gian thực hiện Quy trình giải quyết TTHC trên môi trường điện tử</b>			<b>07 ngày</b>
Bước không thực hiện trên quy trình điện tử	Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ Dự án	10 ngày
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế.	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	05 ngày
	Kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền có văn bản gửi chủ dự án thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế	05 ngày
Trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ dự án phải nộp bổ sung số tiền chênh lệch vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chỉ đạo chủ dự án nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế theo cam kết của chủ dự án.			



Trường hợp số tiền nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày có văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi chủ dự án, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ hoàn trả kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án theo quy định.

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**Xác nhận bảng kê lâm sản (1.000045)**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc cụ thể</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn để xem xét giải quyết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ, TTHC của Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 giờ làm việc
Bước 2	Xem xét, Phân công Kiểm lâm viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	02 giờ làm việc
Bước 3	Tiến hành xác minh, trình lãnh đạo Hạt xác nhận Bảng kê lâm sản (Trường hợp không phải xác minh)	Công chức Hạt Kiểm lâm	01 ngày làm việc
	Tiến hành xác minh, trình lãnh đạo Hạt xác nhận Bảng kê lâm sản (Trường hợp không phải xác minh)		03 ngày làm việc
	Tiến hành xác minh, trình lãnh đạo Hạt xác nhận Bảng kê lâm sản (Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp)		07 ngày làm việc
Bước 4	Phê duyệt xác nhận Bảng kê lâm sản cho tổ chức, cá nhân	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	02 giờ làm việc
Bước 5	- Đóng dấu (hoặc ký số) - Chuyển hồ sơ kết quả cho bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Văn thư Hạt Kiểm lâm	02 giờ làm việc
Bước 6	- Thông báo cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Hạt Kiểm lâm tại bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Ngay sau khi nhận được kết quả
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC (Trường hợp không phải xác minh)</b>			<b>02 ngày làm việc</b>
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC (Trường hợp phải xác minh)</b>			<b>04 ngày làm việc</b>
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC (Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp)</b>			<b>08 ngày làm việc</b>

<b>QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>			
<b>Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (1.011470)</b>			
<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn để xem xét giải quyết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	02 giờ
Bước 2	Xem xét, Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02 giờ
Bước 3	Dự thảo phê duyệt nguồn vốn trồng rừng phê duyệt Phương án khai thác lâm sản và trình lãnh đạo phòng xem xét báo cáo lãnh đạo Sở phê duyệt	Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	08 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5 ngày
Bước 5	Phê duyệt kết quả và chuyển văn thư vào sổ, đóng dấu	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5 ngày
Bước 6	- Đóng dấu (hoặc ký số). - Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở Nông nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để trả kết quả cho chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ rừng ủy quyền	Văn thư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,5 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT tại TTPVHCC	Ngay sau khi nhận được kết quả
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>10 ngày</b>

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 QUY TRÌNH)

<b>QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC:</b> <b>Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (1.011471)</b>			
<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc cụ thể</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn để xem xét giải quyết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ, TTHC của Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày
Bước 2	Xem xét, Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày
	Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/Phòng Kinh tế thành phố	0,5 ngày
Bước 3	Thụ lý giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/Phòng Kinh tế thành phố	07 ngày
Bước 4	Lãnh đạo phòng duyệt, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/Phòng Kinh tế thành phố	0,5 ngày
Bước 5	Phê duyệt kết quả và chuyển văn thư vào sổ, đóng dấu	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày
Bước 6	- Đóng dấu (hoặc chữ ký số). - Chuyển hồ sơ đến Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp huyện để trả kết quả cho chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ rừng ủy quyền	Văn thư Văn phòng UBND huyện	0,5 ngày
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Ngay sau khi nhận được kết quả
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>10 ngày</b>